

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TỈNH THÁI NGUYÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
CHI CỤC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Số: /QĐ-KTHT&PTNT

Thái Nguyên, ngày tháng 8 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc Công bố, công khai dự toán Chương trình Mục tiêu Quốc Gia năm 2025 của Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên

**CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC KINH TẾ HỢP TÁC  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ các Quyết định: số 258/QĐ-SNNMT ngày 13/08/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc phân bổ kinh phí Chương trình mục tiêu Quốc gia năm 2025 cho Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên.*

*Xét đề nghị của Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố, công khai số liệu dự toán Chương trình mục tiêu Quốc gia năm 2025 của Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên theo các nội dung sau:

1. Số liệu dự toán công khai: Số liệu chi tiết theo biểu đính kèm. (Số liệu dự toán công khai bao gồm số đã sử dụng trước sáp nhập đến ngày 30/06/2025 tại Kho bạc Nhà nước của Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn theo số liệu đối chiếu giữ đơn vị và Kho bạc nhà nước)

2. Hình thức công khai:

- Niêm yết công khai tại trụ sở Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thời gian 90 ngày, kể từ ngày ban hành quyết định này.

- Gửi quyết định giao dự toán cho các phòng sử dụng dự toán và các bộ phận chuyên môn liên quan.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng các phòng thuộc Chi cục kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn, Kế toán cơ quan; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như điều 3;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Lưu: VT, HCTH.

**CHI CỤC TRƯỞNG**

**Nguyễn Thành Nam**

**Phụ lục 01**  
**PHÂN BỔ KINH PHÍ CTMT QUỐC GIA NĂM 2025**  
*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-KTHT&PTNT ngày /8/2025*  
*của Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên)*

*(Đvt: Triệu đồng)*

STT	Nội dung	Mã CTMT	Tính chất nguồn/loại -khoản	Dự toán được giao		
				Tổng cộng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương
1	Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	10493	12/280-281	3.000,00	3.000,00	
2	Chương trình Chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới hướng tới nông thôn mới thông minh	10498	12/280-281	2.000,00	2.000,00	
3	Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	10493	12/280-281	2.000,00	2.000,00	
4	Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất; phát triển thị trường và xúc tiến thương mại nông sản	10493	12/280-281	300,00	300,00	
5	Truyền thông xây dựng nông thôn mới	10502	12/280-281	1.546,0	1.546,0	
6	Tăng cường giám sát đánh giá thực hiện chương trình; nâng cao năng lực, truyền thông xây dựng nông thôn mới; thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới	10502	12/280-281	1.500,00	1.500,00	
7	Kinh phí quản lý chương trình	10502	12/280-281	358,00	358,00	
8	Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới	10498	12/280-281	200,00	200,00	
9	Phát triển tiêu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn; bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn; cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại. Đào tạo nghề	10493	12/280-281	1.000,00	1.000,00	
10	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn	10493	12/280-281	1.678,00	1.590,00	88,00
10.1	Hỗ trợ xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp			299,00	285,00	14,00
10.2	Triển khai Chương trình OCOP			1.000,00	952,00	48,00
10.3	Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất			120,00	114,00	6,00

10.4	Hỗ trợ xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyên đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp: Triển khai Chương trình OCOP (Tư phòng Nông nghiệp huyện chuyên về)			259,00	239,00	20,00
11	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình; Nâng cao năng lực, truyền thông xây dựng nông thôn mới; thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới	10502	12/280-281	1.481,00	1.420,00	61,00
11.1	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng			80,00	77,00	3,00
11.2	Đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp, nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng			450,00	428,00	22,00
11.3	Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông; triển khai phong trào “Cả nước thi đua xây dựng nông thôn mới”.			700,00	667,00	33,00
11.4	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng (Tư phòng Nông nghiệp huyện chuyên về)			251,00	248,00	3,00
	<b>Tổng cộng</b>			<b>15.063,00</b>	<b>14.914,00</b>	<b>149,00</b>